

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2023/DS-ST
Ngày 26-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thêm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Quang Xet;
2. Ông Lê Quốc Quân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Yên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án **dân sự** thụ lý số 258/2022/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022 về việc Tranh chấp hợp vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2023/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2023; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1967; địa chỉ: tổ D, khu phố T, phường T, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Thái Thanh H, sinh năm 1979; địa chỉ: tổ B, khu phố A, phường U, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

Ông Lê Thành D1, sinh năm 1995; địa chỉ: tổ A, khu phố F, phường U, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

Là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 01/11/2022 do UBND phường U chứng thực số 786 quyền số 01/2022 SCT/HĐ.GD)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1993 và ông Phạm Đức L, sinh năm 1985; cùng địa chỉ: tổ A, khu phố T, phường T, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 01/11/2022 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị Lan A, ông Phạm Đức L có quan hệ quen biết từ trước.

Ngày 31/5/2022, bà D cho bà Lan A và ông L vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn trả 01 tháng từ ngày 31/5/2022. Đến hạn trả nợ, bà Lan A và ông L không thực hiện và hện lại nhiều lần nên bà D khởi kiện yêu cầu bà Lan A và ông L có trách nhiệm trả số tiền 400.000.000 đồng. Bà D không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi. Khi bà Lan A và ông L vay tiền của bà D thì ông bà là vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án thì bà D được biết ông bà đã ly hôn nên bà D yêu cầu bà Lan A và ông L phải có trách nhiệm liên đới trả nợ do bà D.

Nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu chứng cứ sau: Bản photocopy đã đối chiếu bản chính “Giấy vay tiền” ngày 31/5/2022;

Bị đơn bà Nguyễn Thị Lan A trình bày: Ngày 26/4/2022, bà Lan A có vay của bà Danh số tiền 4 tỷ đồng với lãi suất 5%, 10 ngày sau vay thêm 150.000.000 đồng với lãi suất 8% và 13 ngày sau vay thêm 200.000.000 đồng với lãi suất 6%. Ngày 31/5/2022, bà Lan A đã trả cho bà Danh số tiền 4.310.000.000 đồng và thống nhất số tiền bà Lan A còn nợ là 400.000.000 đồng hẹn đến ngày 31/6/2022 bà Lan A trả hết nợ. Do kinh tế khó khăn, bà Lan A không có tiền trả nợ cho bà D đúng hạn. Bà Lan A có trả cho bà Danh số tiền 15.000.000 đồng nên bà Lan A đồng ý trả số tiền nợ còn lại là 385.000.000 đồng. Bà Lan A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và không nộp tài liệu chứng cứ chứng minh.

Bị đơn ông Phạm Đức L trình bày: Sau khi được tiếp cận Giấy vay tiền ngày 31/5/2022 do bà Nguyễn Thị D nộp cùng đơn khởi kiện. Ông L xác định không ký tên vào Giấy vay tiền ngày 31/5/2022. Ông L hoàn toàn không biết bà D là ai và không có vay tiền của bà D. Theo giấy vay tiền ngày 31/5/2022 có chữ ký và dấu vân tay của bà Nguyễn Thị Lan A và chữ ký ghi tên Phạm Đức L nhưng không có dấu vân tay của ông L. Ông L không thừa nhận chữ ký trong giấy mượn tiền là của ông L. Ông L có đơn đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Kết luận giám định số 2092/KL-KTHS ngày 25/4/2023 của Phân viện KHHS tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: chữ ký dạng chữ viết “Long”, chữ viết họ tên “Phạm Đức L” dưới mục “Người vay” trên tài liệu giám định ký hiệu A so với chữ viết đúng tên Phạm Đức L trên các tài liệu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 là do cùng một người viết (ký) ra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định.

Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Lan A thừa nhận số tiền vay của nguyên đơn và trình bày đã trả 15.000.000 đồng nên đồng ý trả 385.000.000 đồng. Nhưng

bà Lan A không cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả cho nguyên đơn 15.000.000 đồng. Ông Phạm Đức L trình bày không có ký tên vào giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên theo Kết luận giám định số 2092/KL-KTHS ngày 25/4/2023 của Phân Viện KHHS tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận chữ ký dạng chữ viết “Long”, chữ viết họ tên “Phạm Đức L” dưới mục người vay là do Phạm Đức L viết ra. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị D có đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Lan A và ông Phạm Đức L tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Nguyễn Thị Lan A và ông Phạm Đức L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét, giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận vay tài sản và nguyên đơn cung cấp “Giấy vay tiền” ngày 31/5/2022. Bà Lan A thừa nhận có vay số tiền 400.000.000 đồng và đã trả số tiền 15.000.000 đồng nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh, nguyên đơn không thừa nhận. Ông L trình bày không có vay của bà Danh số tiền 400.000.000 đồng và cho rằng chữ ký, chữ viết dưới mục “Người vay” không phải do ông ký và viết ra nhưng tại Kết luận giám định số 2092/KL-KTHS ngày 25/4/2023 của Phân viện KHHS tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận do ông L viết (ký) ra. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định, bà Lan A, ông L có vay của bà Danh số tiền 400.000.000 đồng.

[4] Tại thời điểm bà Lan A và ông L vay tiền của bà D, ông bà là vợ chồng. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án số 537/2022/QĐCNTTLH ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã (nay thành phố) Tân Uyên về tài sản chung, nợ chung ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, bà D yêu cầu bà Lan A và ông L phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà D theo quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình là có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[6] Về chi phí giám định: Kết quả giám định chứng minh yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên ông Phạm Đức L phải chịu chi phí giám định và có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn (đã nộp tạm ứng chi phí giám định) theo quy định tại Điều 161, 162 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 92, 147, 157; 161, 162, 227; 228; 266, 269, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466, 357, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-NĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Lan A, ông Phạm Đức L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Tuyên xử:

Buộc Nguyễn Thị Lan A và ông Phạm Đức L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Danh s tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về chi phí giám định: Ông Phạm Đức L phải nộp 5.000.000 đồng để hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị D đã nộp tạm ứng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Lan A và ông Phạm Đức L có trách nhiệm liên đới nộp 20.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị D được trả tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006495 ngày 24/11/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã (nay thành phố) T, tỉnh Bình Dương.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THA Dân sự tp.Tân Uyên;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Hồng Thâm

